

MỐI QUAN HỆ GIỮA NGHIÊN CỨU TIẾNG HÁN VÀ GIẢNG DẠY TIẾNG HÁN

ThS. Đỗ Thị Minh

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Trung Quốc
Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội*

I. Đặt vấn đề

Với mục đích bàn về vấn đề muôn thuở trong giảng dạy, đó là việc không ngừng nâng cao chất lượng giảng dạy trong đó một trong những vấn đề then chốt là phải có được những phương pháp giảng dạy khoa học, những bộ giáo trình hoàn thiện. Vì vậy chúng tôi xin mạnh dạn đi vào vấn đề này ở mức độ sơ lược.

Mặt khác chúng tôi cũng xin được xác định rõ phạm vi và đối tượng của đề tài với tiêu đề: "*Mối quan hệ giữa nghiên cứu tiếng Hán và giảng dạy tiếng Hán*", từ "*tiếng Hán*" ở đây được lý giải là đại diện cho tiếng nói, quan điểm của khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Trung Quốc, cũng có thể hiểu đây cũng là tiếng nói, quan điểm của người bản xứ dạy ngôn ngữ tiếng Hán (Người trung quốc). "Tiếng Hán" còn được lý giải là ngôn ngữ thứ nhất (Tiếng mẹ đẻ), ngôn ngữ thứ hai (Ngoại ngữ, hay còn gọi là thứ tiếng mục đích). Vì thế, thông qua báo cáo này, chúng tôi hy vọng có thể cùng đội ngũ giáo viên ngoại ngữ nói riêng và giáo viên giảng dạy ngôn ngữ nói chung, bao gồm cả giáo viên đang dạy bộ môn tiếng Việt cùng tham khảo.

II. Nội dung vấn đề

Để tìm hiểu mối quan hệ giữa nghiên cứu tiếng Hán và giảng dạy tiếng Hán, chúng tôi xin được đề cập tới vấn đề này từ một số góc độ sau:

1. Từ góc độ ngôn ngữ học

Trước hết phải khẳng định rằng ngôn ngữ học bao gồm ngữ pháp học, là một trong những cơ sở của lý luận dạy học trong giảng dạy ngôn ngữ và cũng là cơ sở của lý luận thực tiễn giảng dạy.

Có thể nói, nếu không có những thành quả nghiên cứu của ngôn ngữ học thì việc giảng dạy ngôn ngữ sẽ khó có thể tiến hành được. Nhưng chúng ta cũng nên nhấn mạnh rằng, triển khai việc nghiên cứu ngôn ngữ bao gồm nghiên cứu ngữ pháp tiếng Hán, không chỉ để phát triển sự nghiệp giảng dạy ngôn ngữ. Chúng ta nghiên cứu ngôn ngữ trên thực tế là để thoả mãn nhu cầu về nhiều mặt, ví dụ như: triết học, lôgic học, tâm lý học, sinh lý học, bệnh lý học, xã hội học, văn hóa học và nhằm định ra một chính sách ngôn ngữ, truyền bá rộng ngôn ngữ chuẩn mực (tiếng phổ thông), thúc đẩy nhu cầu quy phạm hoá ngôn ngữ, đẩy mạnh nhu cầu phát triển của các bộ môn mới như trí tuệ nhân tạo (là bộ môn

sử dụng máy tính điện tử để bắt chước những hoạt động trí tuệ của con người), phiên dịch bằng máy móc, ứng dụng máy vi tính hoặc nhu cầu của bản thân môn ngôn ngữ học vv.. Do đó tăng cường việc giảng dạy ngôn ngữ chỉ là một trong những mục đích của việc nghiên cứu ngôn ngữ. Chúng ta không nên yêu cầu phải nghiên cứu tất cả các mặt của ngôn ngữ bao gồm ngữ pháp tiếng Hán, hoặc toàn bộ việc nghiên cứu phải giảng dạy ngôn ngữ hoặc cũng không thể coi là tiêu chuẩn duy nhất trong việc bình xét giá trị thành quả nghiên cứu ngôn ngữ bằng cách nhìn nhận có hay không có khả năng trực tiếp ứng dụng vào giảng dạy ngôn ngữ trong vấn đề phát triển ngành ngôn ngữ học, chúng ta không những cần nhìn thấy giá trị thực dụng của ngôn ngữ học, mà còn phải nhìn thấy tác dụng cố tính chất nền móng cơ sở và tác dụng đi đầu của ngôn ngữ học trong toàn bộ chỉnh thể của sự nghiệp phát triển khoa học.

Do phải đối mặt với các nhu cầu khác nhau cho nên mục đích, góc độ, trọng tâm nghiên cứu cũng có thể khác nhau, phương pháp nghiên cứu cũng có thể không giống nhau. Đây có thể là một trong các nguyên nhân hình thành các trường phái học thuật khác nhau. Hạt nhân của trường phái học thuật là ở chữ “học”, đã có học là phải có sự khác biệt giữa học kiểu này và học kiểu kia, cho nên mới có thể có các trường phái học thuật. Trường phái học thuật được hình thành một cách tự nhiên trong quá trình phát triển học thuật, chứ không thể là muốn sáng tạo là con người sẽ sáng tạo ra nó. Cho nên là chỉ có thể là có sự học trước rồi sau có trường phái, chứ không thể vì muốn có trường phái mà sáng tạo ra trường phái. Còn nếu muốn có trường phái mà sáng tạo ra trường phái thì không hẳn đã có thể hình thành trường phái chân chính. Chúng ta không nên để tâm đến vấn đề “sáng lập trường phái nghệ thuật” mà nên trước hết xác định mục đích của công tác nghiên cứu, đồng thời căn cứ vào mục đích căn cứ mà xác định góc độ và trọng tâm nghiên cứu, để lựa chọn và sáng tạo phương pháp nghiên cứu có hiệu quả. Chúng ta nên đề xướng, động viên, duy trì, ủng hộ việc nghiên cứu ngôn ngữ bằng nhiều phương pháp từ nhiều góc độ để làm sao đáp ứng được các nhu cầu khác nhau. Việc nghiên cứu ngôn ngữ bằng nhiều phương pháp, từ nhiều góc độ để đáp ứng được các nhu cầu khác nhau không những không bài xích lẫn nhau mà còn có thể có tác dụng bổ xung cho nhau. Bất luận là đối mặt với nhu cầu nào cũng bất luận là từ góc độ nào, dùng phương pháp nào để tiến hành nghiên cứu, thì chỉ cần dành được kết quả phù hợp với thực tế ngôn ngữ, hoặc dù ít dù nhiều phản ánh được quy luật khách quan của ngôn ngữ, đều là có cống hiến đối với môn ngôn ngữ học thì đều được công nhận.

2. Từ góc độ giảng dạy tiếng Hán

Trên đây là bàn luận về mối quan hệ giữa ngôn ngữ học và giảng dạy ngôn ngữ đứng trên góc độ ngôn ngữ học. Trên một phương diện thì ngôn ngữ học là cơ sở lý luận không thể thiếu được của giảng dạy ngôn ngữ, trên một phương diện khác ngôn ngữ học lại không phải chỉ nhằm phục vụ cho hoạt động giảng dạy ngôn ngữ.

Bây giờ chúng ta lại đứng từ góc độ giảng dạy ngôn ngữ để xem xét mối quan hệ giữa ngôn ngữ học và giảng dạy ngôn ngữ. Như trên đã nói, môn ngôn ngữ học là là một trong những cơ sở lý luận việc giảng dạy ngôn ngữ. Trên thực tế môn ngôn ngữ học cũng không phải là cơ sở lý luận duy nhất của giảng dạy ngôn ngữ. Hiện nay trên thực tế tồn tại hai khuynh hướng, một là không thừa nhận tác dụng chỉ đạo của ngôn ngữ học đối với giảng dạy ngôn ngữ, mặt khác hiểu nhầm rằng ngôn ngữ học là

cơ sở duy nhất của giảng dạy ngôn ngữ. Khuyết hướng một là không phù hợp thực tế, khuyết hướng hai lại mang tính phiến diện.

Tác dụng của ngôn ngữ học trong giảng dạy ngôn ngữ có thể quy kết thành hai phương pháp vĩ mô và vi mô. Cái gọi là “ngôn ngữ học thuần túy”, đặc biệt là bộ phận có liên quan đến bản chất và đặc điểm của ngôn ngữ, có tác dụng chỉ đạo đối với việc nghiên cứu lý luận giảng dạy ngôn ngữ và việc nghiên cứu phương pháp giảng dạy ngôn ngữ, là căn cứ lý luận không thể thiếu được để nghiên cứu lý luận giảng dạy ngôn ngữ và phương pháp giảng dạy ngôn ngữ. Tính cho tới nay, các kiểu lý luận giảng dạy ngôn ngữ và các trường phái phương pháp giảng dạy ngôn ngữ được hình thành, không có loại nào không lấy một ngôn ngữ học nhất định làm nền cho phần lý luận. Đó chính là tác dụng chỉ đạo tâm vĩ mô của ngôn ngữ học đối với giảng dạy ngôn ngữ. Việc nghiên cứu và mô tả thực tế ngôn ngữ, trong đó bao gồm cả việc định lượng nghiên cứu và việc mô tả ngữ âm, từ vựng, mô hình câu, qui luật và qui tắc ngữ pháp cùng với việc mô tả qui luật và qui tắc trong lời nói và văn chương thì đều có tác dụng chỉ đạo đối với các hoạt động giảng dạy cụ thể như lập kế hoạch giảng dạy, biên soạn giáo trình, giảng dạy và kiểm tra đánh giá trên lớp, đồng thời là căn cứ lý luận không thể thiếu được của những hoạt động cụ thể nêu trên. Đây là tác dụng chỉ đạo có tính chất vi mô của ngôn ngữ học đối với giảng dạy ngôn ngữ.

Nhưng giảng dạy ngôn ngữ không có nghĩa là ngôn ngữ học, cũng không đồng nhất với khái niệm giảng dạy ngôn ngữ học. Phân biệt chủ yếu giữa giảng dạy ngôn ngữ và giảng dạy ngôn ngữ học như sau:

Mục đích giảng dạy không giống nhau:

Giảng dạy ngôn ngữ học có thể có các mục đích giảng dạy không giống nhau đối với các đối tượng khác nhau. Ví dụ: Việc tu dưỡng và nâng cao văn hoá thường xuyên nhằm mục đích bồi dưỡng năng lực làm công tác nghiên cứu ngôn ngữ và giảng dạy ngôn ngữ cho học sinh cùng với năng lực ứng dụng ngôn ngữ của họ. Giảng dạy ngôn ngữ tuy cũng có các mục đích khác nhau, nhưng về căn bản mà nói là đều nhằm mục đích làm cho học sinh học được ngôn ngữ đó, tức là bồi dưỡng năng lực ngôn ngữ và năng lực giao tiếp ngôn ngữ của học sinh. Bất luận là giảng dạy ngôn ngữ thứ nhất (tiếng mẹ đẻ) hay ngôn ngữ thứ hai (tiếng mục đích) đều xuất phát từ mục đích như vậy.

Nội dung giảng dạy không giống nhau:

Nội dung giảng dạy là do mục đích giảng dạy quyết định. Mục đích giảng dạy không giống nhau thì một cách rất tự nhiên, nội dung giảng dạy cũng không giống nhau. Nội dung giảng dạy của ngôn ngữ học bao gồm lý luận giảng dạy, tri thức ngôn ngữ và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ. Những nội dung giảng dạy này có tính chất hệ thống nhất định. Tính chất hệ thống này thể hiện hệ thống khoa học trong khoa học ngôn ngữ. Nội dung giảng dạy của giảng dạy ngôn ngữ là bản thân ngôn ngữ cùng những tri thức văn hóa có liên quan đến việc lý giải ngôn ngữ và sử dụng ngôn ngữ. Bản thân ngôn ngữ không những bao gồm các yếu tố ngữ âm như ngữ âm, từ vựng, loại hình câu, qui tắc ngữ pháp và văn tự ngôn ngữ sách vở mà còn bao gồm các kỹ năng lời nói bằng nghe, nói, đọc, viết và các kỹ năng giao tiếp bằng lời nói dùng trong hoạt động giao tiếp thực tế. Những nội dung nội dung giảng dạy này đều được thể hiện bằng hình thức giáo trình ngôn ngữ, các giáo trình đó cần phải được tuyển chọn và biên tập trên cơ sở trình độ của học sinh và nhu cầu thực tế. Nội dung giảng dạy của giảng dạy ngôn ngữ cũng có tính chất hệ thống nhất định, tính hệ thống này chủ yếu thể hiện từ dễ đến

khó, từ nông đến sâu, từ cụ thể đến trừu tượng, từ đơn giản đến phức tạp, chứ không hoàn toàn thể hiện hệ thống khoa học của khoa học ngôn ngữ. Trong giảng dạy ngôn ngữ cũng cần căn cứ vào nhu cầu và cần phải giới thiệu một cách thích đáng các tri thức ngôn ngữ, nhưng mục đích của việc giới thiệu tri thức ngôn ngữ chủ yếu không phải để học sinh nắm vững bản thân tri thức ngôn ngữ mà để giúp họ lý giải, nắm vững và sử dụng một cách chính xác ngôn ngữ đã học. Ở đây có sự phân biệt một cách bản chất giữa giảng dạy ngôn ngữ với giảng dạy ngôn ngữ học.

Nguyên tắc giảng dạy không giống nhau:

Nguyên tắc giảng dạy của giảng dạy ngôn ngữ học chủ yếu là một nội dung giảng dạy cần mang tính khoa học, tính hệ thống và lý luận, liên hệ với thực tế. Còn nguyên tắc giảng dạy của giảng dạy ngôn ngữ thì buộc phải đặt ra trên cơ sở xem xét một cách tổng hợp qui luật của ngôn ngữ, qui luật của văn hoá, qui luật học tập ngôn ngữ và qui luật giảng dạy ngôn ngữ. Nội dung cụ thể bao gồm tuyển chọn nội dung giảng dạy như thế nào, xử lý như thế nào mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hoá. Xử lý như thế nào mối quan hệ giữa luyện tập nghe nói, luyện tập đọc viết và luyện tập nghe và nói, đọc và viết.v... Nếu như là giảng dạy ngôn ngữ thứ hai (thứ tiếng mục đích) thì còn phải bao gồm xử lý như thế nào mối quan hệ giữa ngôn ngữ mà học sinh đã nắm được thứ tiếng mục đích đang học.

Phương pháp giảng dạy không giống nhau:

Phương pháp giảng dạy của giảng dạy ngôn ngữ học chủ yếu là truyền thụ tri thức luận có liên quan. Một bộ phận nội dung giảng dạy, ví dụ: điều tra phương ngôn ngữ (ngôn ngữ địa phương), thực nghiệm ngôn ngữ học thì cần chỉ đạo học sinh thao tác thực tế. Phương pháp giảng dạy của giảng dạy ngôn ngữ thì phải phức tạp hơn nhiều, sớm đã trở thành lĩnh vực nghiên cứu chuyên môn. Ví dụ: cần phải căn cứ vào nhu cầu của học sinh và trên cơ sở nguyên tắc từ dễ đến khó, từ nông đến sâu, từ cụ thể đến trừu tượng, từ đơn giản đến phức tạp để lựa chọn làm tài liệu (giáo trình) những cuốn sách của nội dung giảng dạy. Những tài liệu (giáo trình) này phải tiện lợi cho việc phân chia sắp xếp, tổ chức các hiện tượng ngôn ngữ có liên quan trên cơ sở trình độ tiếp thu của học sinh, phải coi trọng sự sắp xếp một cách khoa học những nội dung giảng dạy, kỹ năng lời nói không giống nhau thì phương pháp rèn luyện cũng không giống nhau. Việc giảng giải lý luận cũng phải căn cứ vào nội dung và đối tượng giảng dạy khác nhau để vận dụng các phương pháp không giống nhau.

Từ sự so sánh trên có thể nhìn thấy ngôn ngữ học không thể giải quyết một cách hoàn toàn các vấn đề của giảng dạy ngôn ngữ. Giảng dạy ngôn ngữ có qui luật riêng của mình. Thực tế chứng minh rằng, qui luật giảng dạy ngôn ngữ không những chỉ do qui luật ngôn ngữ quyết định mà còn do qui luật văn hoá, qui luật học tập ngôn ngữ và những qui luật giáo dục bình thường khác cùng quyết định. Việc giải quyết nhiều vấn đề về việc lý luận giảng dạy, nguyên tắc giảng dạy, phương pháp giảng dạy của giảng dạy ngôn ngữ không những phải dựa vào sự chỉ đạo của lý luận ngôn ngữ, mà còn phải dựa vào sự chỉ đạo của lý luận văn hoá, lý luận học tập ngôn ngữ và giáo dục nói chung có liên quan. Cho nên nói rằng, ngôn ngữ học không phải là cơ sở duy nhất của giảng dạy ngôn ngữ, vì nếu coi như vậy thì sẽ bị nhập giảng dạy ngôn ngữ và giảng dạy ngôn ngữ học vào cùng một con đường. Trên thực tế giảng dạy ngôn ngữ rất dễ xuất hiện vấn đề như vậy mà chưa từng được biện pháp giải quyết. Vậy làm thế nào để xử lý mối quan hệ giữa mối quan hệ giảng dạy ngôn ngữ và giảng dạy tri thức ngôn ngữ trong giảng dạy tiếng Hán đều là những vấn đề lớn cần được tích cực nghiên cứu.

Thực tế giảng dạy tiến Hán tại khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Trung Quốc hiện nay đã được chia thành hai giai đoạn giảng dạy Hán ngữ (chủ yếu ở giai đoạn cơ sở bao gồm 3 học kỳ), và giảng dạy Hán ngữ học (chủ yếu ở giai đoạn nâng cao, bao gồm 5 học kỳ), tuy nhiên mới chỉ là bước đầu cần có sự cải cách giáo dục một cách cơ bản và toàn diện.

III. Kết luận

Sau khi làm rõ sự khác biệt giữa việc giảng dạy ngôn ngữ và giảng dạy ngôn ngữ học (giảng dạy ngôn ngữ tri thức trong tiếng Hán), nếu muốn nâng cao một cách thiết thực năng lực tiếng Hán của học sinh, thì việc giảng dạy tiếng Hán hiện nay đã có điều kiện hơn. Chúng tôi hi vọng trong thời gian trước mắt có thể làm ngay một số việc sau:

1. Xây dựng một đội ngũ giáo viên thực sự vững vàng về chuyên môn, giàu kinh nghiệm giảng dạy để đưa ra được những phương pháp giảng dạy khoa học nhất trong giảng dạy ngôn ngữ và giảng dạy ngôn ngữ học .

2. Xây dựng được những bộ giáo trình hoàn chỉnh, sớm nghiệm thu và đưa vào sử dụng động bộ.

Những công việc này phải được dựa vào sự chỉ đạo thống nhất liên ngành của lý luận ngôn ngữ, lý luận văn hoá, lý luận học tập ngôn ngữ, và lý luận giáo dục nói chung thì sẽ thu được kết quả như sự mong muốn